



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN THE
Last Middle First

Current Address: 623/7 CMT8, P 25, TP. HCM, VN.

Date of Birth: 02/07/36 Place of Birth: HCM Giang

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/23/75 To 07/03/84
Years: 9 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Stephanie Kim Huynh
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

PHIẾU KIỂM SOÁT

- Họ và tên: Le van phé

- ☒ Card 2
- ☒ Thẻ, bỏ túi, cầm ỏn
- ☒ Giấy ra trại
- ☒ Cấp bằng, huy chương
- ☒ Hồ sơ đầy đủ (Thẻ đủ hồ sơ)
- ☒ Computer

- Các thủ khác :

- ☐ Mẫu D
- ☐ ODP list
- ☐ Labels
- ☐ Folder
- ☐ Hồ sơ cần xerox
- ☐ Hồ sơ đã chuyển ODP
ngày _____

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức
Số 509 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Hộc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QT/G, ban hành theo công văn số 2765 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SISLD

GIẤY RA TRẠI

CỔ SÁNH TP HỒ CHÍ MINH	
ĐÃ TRÌNH DIỄN	
5	9
A	

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ
Thủ hành án văn, quyết định tha số 296 ngày 12 tháng 6 năm 1984
của Bộ Nội Vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Văn Thế Sinh năm 1935

Các tên gọi khác

Nơi sinh Hậu Giang

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 623/7 Cách mạng tháng 8, Q10,
TP. Hồ Chí Minh.

Cán tội Bị Đại úy trưởng ban tâm lý chiến.

Bị bắt ngày 23-6-75 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 623/7 CM tháng 8, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã có nhiều tiến bộ chấp hành nội quy nghiêm, lao động và học
tập tốt.

- Thời hạn quản chế 12 tháng

- Tiền đi đường đã cấp đủ.

Hướng sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Nơi về cư trú
Trước ngày 5 tháng 7 năm 1984

Lưu ý: người trả phải
của Lê Văn Thế

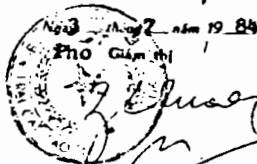
Danh ban ở

Lập tại



Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Vanilla



Đại úy

INTAKE FORM MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

RECEIVED
Sg 4/6/85
Card
APR 06 1985
thủ
chủ IV

NAME (TÊN) : LE VAN THE
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : FEB 07 1935
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : ☒ Female (Nữ) : ☐

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : ☐ Married (có lập gia đình) : ☒
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 623/7 CACH MANG THANG 8 ST, WARD 25
(Địa chỉ tại VN) : HO-CHI-MINH CITY, VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) ☒ No (Không) : ☐
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 6/23/75 To (Đến) : 3/3/84

PLACE OF RE-EDUCATION : NORTH VIETNAM
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : POIWAR CAPTAIN

EDUCATION IN U.S. : CIVIL AFFAIR AND PSYWAR SCHOOL, Ft GORDON, GEORGIA/Ft BRAGG
(DU HỌC TẠI MỸ) N. CAROLINA

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : CAPTAIN

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : CAPTAIN Date (Năm) : 1975
(Trong chính phủ VN) Prior

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : ☒ IV Number (số hồ sơ) : ☒ No (Không) : ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : 06

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN : 623/7 CACH MANG THANG 8 ST, WARD 25
(Địa chỉ liên lạc tại VN) : HO-CHI-MINH CITY, VIETNAM

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : STEPHANIE KIM HUYNH
(Tên, Địa chỉ Thân nhân : None hay Người Bảo Tró)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : ☒ No (Không) : ☐

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : cousin (2nd cousin)

NAME AND SIGNATURE : Stephanie Kim Huynh
ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ĐT của người điền đơn nay)

DATE :

Stephanie K. Huynh



ALWAYS
USE ZIP CODE

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ

P.O Box 5435

ARLINGTON, VA 22205

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức
Số 509 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số 001/GTĐ theo
biểu mẫu của Bộ
Ngày 2 tháng 11
năm 1972

SHEET									
GIẤY RA TRẠI									
CƠ QUAN TP HỒ CHÍ MINH ĐÀ TRINH LUYỆN 2813 P.13 Số 5 tháng 7 năm 1984									

Theo thông tư số 76-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ
Thủ trưởng ấn văn, quyết định thả số 296 ngày 12 tháng 6 năm 1984
của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:
Họ, tên khai sinh Lê Văn Thọ Sinh năm 1935
Các tên gọi khác
Nơi sinh Huyện Giang
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: 623/7 Cách mạng tháng 8, Q.10,
TP Hồ Chí Minh.

Cán tại Ủy Đại ủy trưởng ban tâm lý chiến.
Bị bắt ngày 23-6-75 Án phạt TTCT
Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã từng an lần, công thành năm tháng
Đã được giảm án lần, công thành năm tháng
Nay về cư trú tại 623/7 CM tháng 8, Quận 10, TP Hồ Chí Minh.

Nhận xét quá trình cải tạo
Đã có nhiều tiến bộ chấp hành nội quy nghiêm, Lao động và học
tập tốt.
- Thời hạn quản chế 12 tháng
- Tiền đi đường đã cấp đủ.

Hướng về phải trình diện tại UBND Phường, xã: Nơi về cư trú
Trước ngày 5 tháng 7 năm 1984

Lưu ý người trả giấy
Của Lê Văn Thọ
Danh họ và
Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy
Văn Thọ

Ngày 7 tháng 7 năm 1984
Phó Giám thị